

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2018/HS-ST
Ngày 28 - 5 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Việt Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Đức Toàn

Bà Tạ Thanh Nhạn

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Mạnh Thắng – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 77/2018/TLST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2018/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn T, sinh ngày 10 tháng 3 năm 1979; nơi cư trú: Thôn B, xã Tr, huyện V, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H1 (đã chết) và bà Trịnh Thị B1; có vợ và 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 05-PT ngày 22.01.1997 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, xử phạt Nguyễn Văn T 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”. Quyết định số: 3024/QĐ-UBND ngày 14/12/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình, về việc áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục tại Thanh Hà, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, thời hạn 24 tháng; bị tạm

giữ từ ngày 06/3/2018 đến ngày 15/3/2018 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; có mặt.

- *Bị hại*: Anh Phạm Trung H, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn V, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh Thái Bình; có mặt

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Anh Vũ Minh Q, sinh năm 1976; nơi cư trú: Phường Q1, thành phố Th, tỉnh Thái Bình; vắng mặt

- *Người làm chứng*: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1963; nơi cư trú: Thôn Th, xã Đ2, huyện V1, tỉnh Thái Bình; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T đi bộ từ nhà lên thành phố Thái Bình mục đích để trộm cắp tài sản. Đến khoảng 04 giờ 30 phút ngày 26 tháng 01 năm 2018, T đi đến Bệnh viện đa khoa Th, T phát hiện thấy mọi người trong phòng đều đang nằm ngủ, T tiến lại phía giường số 16 của anh Phạm Trung H thấy phía bên trong tường có 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Samsung J7 Pro, màu đen nên T đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại này. T tiến sát lại phía anh H, dùng tay trái cầm lấy chiếc điện thoại di động của anh H và đi ra ngoài. Khi đi đến gần cửa phòng thì bị bà Nguyễn Thị B là bệnh nhân nằm trong phòng phát hiện và hô “trộm, trộm...”, T liền bỏ chạy ra phía cầu thang bộ của dãy nhà E thì đánh rơi 01 chiếc thẻ điều trị MMT (Methadol) mang tên Nguyễn Văn T. Anh H nghe thấy hô trộm liền vùng dậy, chạy ra ngoài hành lang nhưng T đã chạy thoát. Sau đó anh H quay về phòng thì có 01 người đàn ông khoảng 40 tuổi chạy vào phòng và đưa cho anh H 01 chiếc thẻ điều trị MMT (Methadol) mang tên Nguyễn Văn T và nói “*Tên trộm bỏ chạy đã làm rơi cái thẻ này*”.

Sau khi trộm cắp được chiếc điện thoại của anh H, T đi bộ ra khu vực phường Q2, thành phố Th tháo chiếc ốp lưng và 02 chiếc sim điện thoại của anh H vứt xuống sông. Đến khoảng 07 giờ sáng cùng ngày, T đem chiếc điện thoại trộm cắp được đến bán cho anh Vũ Minh Q lấy 740.000 đồng. Số tiền này T đã tiêu xài cá nhân hết. Sau khi mua chiếc điện thoại từ T, anh Q đã bán chiếc điện thoại đó cho một người đàn ông khoảng 40 tuổi không quen biết được 900.000 đồng.

Ngày 26 tháng 01 năm 2018, anh Phạm Trung H đã có đơn trình báo sự việc với Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thành phố Thái Bình.

Ngày 06 tháng 3 năm 2018, Nguyễn Văn T đến Công an thành phố Thái Bình đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Bản Kết luận định giá tài sản số 06/KLGD ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thái Bình, kết luận: 01 chiếc điện thoại di động Samsung J7 Pro, vỏ màu đen đã qua sử dụng trị giá 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T, bị hại Phạm Trung H không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thái Bình nêu trên.

Bản cáo trạng số: 87/CT-VKSTP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

* Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 09 đến 12 tháng tù.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584 và 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường thiệt hại cho anh Phạm Trung H số tiền là 4.500.000 đồng.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy của bị cáo Nguyễn Văn T 01 thẻ điều trị MMT mang tên Nguyễn Văn T

- Chuyển số tiền 160.000 đồng là số tiền chênh lệch từ việc anh Q bán điện thoại của T sang thành tiền bồi thường thiệt hại cho anh H.

* Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến và tranh luận gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát. Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo T là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Do lười lao động, muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên vào khoảng 04 giờ 30 phút ngày 26 tháng 01 năm 2018, tại bệnh viện đa khoa tỉnh Th, Nguyễn Văn T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 Pro màu đen của anh Phạm Trung H và đi ra ngoài. Khi đi gần đến cửa phòng bà Nguyễn Thị B thì bị bà B phát hiện và truy hô. T bỏ chạy và làm rơi 01 chiếc thẻ điều trị MMT (Methadol) mang tên Nguyễn Văn T. Sau khi trộm cắp được điện thoại, T mang đến bán cho anh Vũ Minh Q lấy 740.000 đồng, tiêu xài cá nhân hết. Trị giá tài sản trộm cắp được định giá là 4.500.000 đồng, tại phiên tòa bị hại khai bị cáo T có lấy đôi giày của bị hại khi bỏ chạy đã bỏ lại tại chiếu nghỉ cầu thang nhưng tại phiên tòa bị cáo không thừa nhận đã lấy giày của anh H, lời khai của người làm chứng cũng không thể hiện vì vậy không có cơ sở chứng minh bị cáo đã lấy đôi giày của anh H.

Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, hành vi phạm tội của bị cáo T phù hợp với lời khai của người bị hại anh Phạm Trung H, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Vũ Minh Q và người làm chứng bà Nguyễn Thị B. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng các tài liệu chứng cứ sau: Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú; biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường; Bản kết luận định giá tài sản và biên bản kết luận định tài sản; biên bản xác minh tại Trung tâm phòng chống HIV/AIDS Thái Bình; cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 thì: *“Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”*, như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo T có đủ các yếu tố cấu thành tội *“Trộm cắp tài sản”* quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

* Về tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo T đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an. Mặc dù nhận thức được hành vi xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác là trái quy định của pháp luật song do lười lao động bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu tài sản lén lút chiếm đoạt tài sản nên cần xử phạt bị cáo T một mức án tương xứng đối với hành vi phạm tội của bị cáo gây ra mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

* Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã 01 lần bị kết án về tội Trộm cắp tài sản và 01 lần bị đưa vào cơ sở giáo dục. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Trong quá trình điều tra bị cáo đã ra đầu thú, bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo như vậy bị cáo

được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Trên cơ sở đánh giá tính chất và mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của Nhà nước.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Chiếc điện thoại di động Samsung J7 Pro của anh Phạm Trung H không thu hồi được. Quá trình điều tra, bị hại anh Phạm Trung H yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị chiếc điện thoại di động cho anh H. Tại phiên tòa, bị cáo T và bị hại anh H không có ý kiến gì về kết quả định giá, do đó bị cáo T phải bồi thường cho anh H số tiền là 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Về 02 chiếc sim và chiếc ốp điện thoại, bị cáo T đã vứt xuống sông, anh H không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định: “ *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Xét thấy bị cáo T làm nghề tự do, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo T.

[6] Về xử lý vật chứng:

Cơ quan Công an thu giữ của bị cáo T 01 chiếc thẻ điều trị MMT mang tên Nguyễn Văn T, tại phiên tòa bị cáo T khai không còn sử dụng chiếc thẻ nêu trên và không có yêu cầu nhận lại, căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 160.000 đồng (một trăm sáu mươi nghìn đồng) anh Q tự nguyện giao nộp là số tiền chênh lệch từ việc bán điện thoại mua của bị cáo T, căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[7] Về các vấn đề khác: Đối với anh Vũ Minh Q là người mua của bị cáo T chiếc điện thoại nêu trên, anh Q không biết nguồn gốc chiếc điện thoại là tài sản do T trộm cắp mà có nên không có căn cứ xử lý.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 106, 136, 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 tháng (chín tháng) tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 06 tháng 3 năm 2018).

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường thiệt hại cho anh Phạm Trung H số tiền 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu tiêu hủy bị cáo Nguyễn Văn T 01 chiếc thẻ điều trị MMT mang tên Nguyễn Văn T.

3.2. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 160.000 đồng (một trăm sáu mươi nghìn đồng).

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an thành phố Thái Bình và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình ngày 14/5/2018 và Biên lai thu tiền số 0001249 ngày 14/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình).

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 28/5/2018. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra, cơ quan Thi hành án hình sự, Nhà tạm giữ - Công an thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Việt Hưng